

CÔNG TY C PH N UT TH NG M IXU TNH P KH U VI T PHÁT

**QUY CH QU NTR CÔNG TY C PH N UT TH NG M IXU TNH P
KH U VI T PHÁT**

H i Phòng, tháng.../2018

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08.02/NQ-HĐQT/2017 ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế quản trị nội bộ công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (sau đây gọi chung là: quy chế) được xây dựng theo:
 - Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13
 - Luật kế toán số 70/2006/QH11
 - Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán ban hành kèm Nghị định số 71/2017/NĐ-CP
- Quy chế này quy định những nguyên tắc và quy định quản trị công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, thị trường chứng khoán và hành vi, công nghệ nghiệp vụ của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, và cán bộ quản lý công ty.

Điều 2. Giám đốc

1. Tổ chức:

Hội đồng Công ty	HĐC
Công bố thông tin	CBTT
Hội đồng Quản trị	HĐQT
Ủy ban kế toán Nhà nước	UBCKNN

2. Các thành viên này có như sau:

- Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật Kế toán.
- Thành viên HĐQT không độc lập là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác của HĐQT bổ nhiệm.
- Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT áp dụng các điều kiện sau:
 - Là thành viên HĐQT không độc lập và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý

khác các HĐQT bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là công nhân hoặc người đi làm của công nhân hoặc người có liên quan của công nhân của công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

Chương II

CÔNG VÀ ĐIỀU KIỆN CÔNG

Điều 3. Quy định và nghĩa vụ của công

1. Công có ý các quy định và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và điều lệ công ty, cụ thể là:

a) Quy định do chủ nhân góp phần để thanh toán ý và ghi trong sổ của công ty, từ đó sẽ trở thành phần vốn góp của công ty theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quy định của H.C;

b) Quy định của công nhân. Mọi phần của cùng một loại cho công nhân các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại phần ưu đãi, các quy định và nghĩa vụ riêng về các loại phần ưu đãi phải công bố ý cho công nhân và phải của H.C thông qua;

c) Quy định của thông báo ý thông tin nội bộ và thông tin bất thành vụ hoạt động của công ty;

d) Quy định và trách nhiệm tham gia các cuộc họp H.C và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đi làm của quy định hoặc thực hiện biểu quyết xa;

e) Quy định của ưu tiên mua các phần mới chào bán tăng vốn và lợi ích phần trong công ty.

2. Công có quy định bổ sung các quy định lập pháp của mình. Trong trường hợp quy định của H.C, quy định của HĐQT vì phạm pháp luật hoặc vì phạm những quy định của công nhân theo quy định của pháp luật, công nhân có quy định nghĩa vụ quy định theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quy định vì phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty, HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) phải hành động bồi thường cho công ty theo trách nhiệm của mình. Công nhân có quy định yêu cầu công ty bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của công nhân

1. Công nhân không cố ý để người khác mà mình gây tổn hại đến các quy định, lợi ích của công ty và của các công nhân khác.
2. Công nhân có nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ công ty

Điều lệ công ty được ban hành kèm theo quyết định của Hội đồng Quản trị là điều lệ của H.C thành lập thông qua ngày 18/07/2016

Điều 6. Cuộc họp H.C thường niên và bất thường

1. Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin internet của công ty quy định về trình tự, thời gian và nội dung quy định của H.C theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

- a) Thông báo về việc chốt danh sách công nhân có quyền tham dự họp H.C ;
- b) Thông báo trình tự họp H.C ;
- c) Cách thức đăng ký tham dự H.C ;
- d) Cách thức bỏ phiếu;

đ) Cách thức kiểm phiếu, nội dung và nội dung công nhân có yêu cầu, Công ty phải ghi nhận và xử lý các khiếu nại và khiếu nại;

- e) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g) Cách thức phân phối quyết định của H.C ;
- h) Lập biên bản H.C ;
- i) Thông báo quyết định của H.C ra công chúng;
- k) Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ quy trình, thời gian và nội dung quy định của pháp luật, điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải CBTT về **việc lập danh sách công nhân có quyền tham dự họp Hội đồng Quản trị trước ngày đăng ký cuối cùng**. Công ty không nên chờ công nhân tham dự H.C, phải thông báo cho công nhân thời gian và nội dung quy định để họ có thể tham gia H.C hoặc bỏ phiếu bằng thư bỏ phiếu kín khi công nhân có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thời gian và lập quy định quy định cho các công nhân theo quy định.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện H.C sẽ phải chấp hành trình tự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý tưởng và nội dung quy định trong chương trình họp H.C .

4. Công ty phải công bố ngay từ đầu trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại công nhân có thể tham gia vào các cuộc họp H.C một cách thuận tiện, bao gồm hướng dẫn công nhân bỏ phiếu trực tiếp, nội dung quy định thông qua họp H.C trực tuyến.

5. Hàng năm Công ty phải thực hiện HC thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc thực hiện HC thường niên không thể thực hiện dưới hình thức lý thuyết công bằng và bền vững. **Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm công ty có các khoản nợ trái nợ y u, công ty này chúng có thể đi đến công ty kiểm toán để lập dự phòng chi phí hàng công thường niên.**

6. Công ty quy định trong nội quy công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lý thuyết công bằng và bền vững thông qua quy định của HC. Trường hợp lý thuyết bền vững và bền vững, Công ty phải làm rõ, công bố tài liệu và làm rõ nội dung gian lận lý cho các công việc xem xét tài liệu trước khi ghi phiếu báo quy định trình tự thực hiện HC.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại HC thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình HC thường niên thì phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quy định của HĐQT;
- Kết quả giám sát nội vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) nội vụ;
- Kết quả giám sát nội vụ các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại HC thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình HC thường niên thì phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quy định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát nội vụ thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) nội vụ và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sơ bộ hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) nội vụ và công đồng.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ VÀ HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ

Điều 9. Nhiệm vụ, chức năng thành viên HĐQT

1. Thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định chức vụ)

các ng viên) c công b t i thi u m i (10) ngày tr c ngày khai m c h p H C trên trang thông tin i n t c a công ty c ông có th tìm hi u v các ng viên này tr c khi b phi u. Thông tin liên quan n các ng viên H QT c công b t i thi u bao g m:

- H tên, ngày tháng n m sinh;

- Trình chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Tên các công ty mà ng viên ang n m gi ch c v thành viên H QT và các ch c danh qu n lý khác;

- Các l i ích có liên quan t i công ty (n u có);

- Các thông tin khác (n u có).

2. Các ng viên H QT có cam k t b ng v n b n v tính trung th c, chính xác và h p lý c a các thông tin cá nhân c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c n u c b u làm thành viên H QT.

3. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng tính n th i i m ch t danh sách c ông đ h p có quy n g p s quy n bi u quy t c các ng viên H QT. Vi c c ng viên H QT mà các c ông sau khi g p s quy n bi u quy t có quy n c ph i tuân th các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

4. Tr ng h p s l ng các ng viên H QT thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H QT có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l và Quy ch n i b c a công ty. C ch H QT ng nhi m c ng viên H QT c công b rõ ràng và c H C thông qua tr c khi ti n hành c .

5. Công ty quy nh và h ng d n c th cho c ông vi c b phi u b u thành viên H QT theo ph ng th c đ n phi u.

i u 10. T cách thành viên H QT

1. Thành viên H QT là nh ng ng i không thu c i t ng mà pháp lu t và i u l công ty c m làm thành viên H QT. Thành viên H QT có th không ph i là c ông c a công ty.
2. Thành viên H i ng qu n tr c a m t công ty không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr c a trên n m (05) công ty khác
3. Công ty c n h n ch thành viên H QT kiêm nhi m các ch c danh qu n lý trong b máy i u hành c a công ty m b o tính c l p c a H QT.
4. **Ch t ch H QT không c kiêm nhi m ch c danh Giám c (T ng giám c) c a cùng công ty.**

i u 11. Thành ph n H QT

1. S l ng thành viên H QT ít nh t là ba (03) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. C c u H QT c n m b o s cân i gi a các thành viên có ki n th c và kinh nghi m v pháp lu t, tài chính và l nh v c ho t ng kinh doanh c a công ty.

2. Các thành viên HĐQT cần bầu sẵn i gia các thành viên kiêm i u hành và các thành viên không i u hành, trong ó t i thi u m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên HĐQT ph i là thành viên HĐQT không i u hành.

3. Trong tr ng h p m t thành viên b m t t cách thành viên theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty, b cách ch c, m i n nhi m ho c vì m t lý do nào ó không th t i p t c làm thành viên HĐQT, HĐQT có th b nhi m ng i khác t m th i làm thành viên HĐQT theo quy nh t i i u l công ty. Vì c b u m i thành viên HĐQT thay th ph i c th c hi n t i H C g n nh t.

4. C n h n ch t i a thành viên H i ng qu n tr kiêm nhi m ch c danh i u hành c a công ty m b o tính c l p c a H i ng qu n tr .

5. C c u thành viên H i ng qu n tr c a công ty niêm y t ph i m b o t i thi u 1/3 t ng s thành viên H i ng qu n tr là thành viên c l p.

i u 12. Quy n c a thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có y các quy n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, các v n b n pháp lu t liên quan và i u l công ty, c bi t là quy n c cung c p các thông tin, tài li u v tình hình tài chính, ho t ng kinh doanh c a công ty và c a các n v trong công ty.

i u 13. Trách nhi m và ngh a v c a thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT ph i tuân th y trách nhi m và ngh a v theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, các v n b n pháp lu t liên quan.

2. Thành viên HĐQT có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình m t cách trung th c, c n tr ng vì quy n l i t i cao c a c ông và c a công ty.

3. Thành viên HĐQT có trách nhi m tham d y các cu c h p c a HĐQT và có ý ki n rõ ràng v các v n c a ra th o lu n.

4. Thành viên HĐQT có trách nhi m công b cho công ty các kho n thù lao mà h nh n c t các công ty con, công ty liên k t và các t ch c khác mà h là ng i i di n ph n v n góp c a công ty.

5. Các thành viên HĐQT và nh ng ng i có liên quan khi th c hi n giao d ch c ph n c a công ty ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c và th c hi n CBTT v vi c giao d ch này theo quy nh c a pháp lu t.

6. Công ty có th mua b o hi m trách nhi m cho các thành viên HĐQT sau khi có s ch p thu n c a H C . B o hi m này không bao g m b o hi m cho nh ng trách nhi m c a thành viên HĐQT liên quan n vi c vi ph m pháp lu t và i u l công ty.

i u 14. Trách nhi m và ngh a v c a HĐQT

1. HĐQT ph i tuân th y trách nhi m và ngh a v theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, các v n b n pháp lu t liên quan.

2. HĐQT ch u trách nhi m tr c các c ông v ho t ng c a công ty.

3. HĐQT chịu trách nhiệm mỗibộ hoạtđing của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy và các quy định nội bộ của công ty, bình đẳng và tôn trọng lợi ích của người có quan liêiquan hệ công ty.

4. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục, công bố, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục chấp hành HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trình tự và thủ tục, công bố, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT:

- Tiêu chuẩn thành viên HĐQT;

- Cách thức công bố và công vào vị trí thành viên HĐQT của công ty, nhóm công ty theo quy định của pháp luật và nội quy công ty;

- Cách thức bầu thành viên HĐQT;

- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên HĐQT;

- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

b) Trình tự, thủ tục chấp hành HĐQT:

- Thông báo chấp hành HĐQT (gồm chương trình hành động, kế hoạch, các tài liệu liên quan và các phụ lục cho nghị quyết thành viên HĐQT không thể thiếu);

- Nội quy chấp hành HĐQT;

- Cách thức biểu quyết;

- Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;

- Ghi biên bản chấp hành HĐQT;

- Thông báo nghị quyết HĐQT.

5. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phê duyệt hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) nội bộ, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;

- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;

- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;

- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;

- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

b) Quy trình, thủ tục phê duyệt hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) nội bộ:

- Thủ tục, trình tự phê duyệt, thông báo miễn nhiệm, ghi biên bản, thông báo kết quả chấp hành của HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) nội bộ;

- Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện;

- Các trưởng phòng Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện và Ban kiểm soát nghiên cứu tập hợp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;

- Báo cáo của Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện về HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao;

- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề quy định khác của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện;

- Các vấn đề Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát;

- Phối hợp hỗ trợ kiểm soát, thực hiện, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện theo các nhiệm vụ thực của các thành viên nêu trên.

6. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện và các cán bộ quản lý khác.

7. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tới HĐQT theo quy định tại 0 Quy chế này.

Điều 15. Hợp HĐQT

1. HĐQT thực hiện chế độ **m i quý m t (1) l n** theo đúng trình tự quy định tại Điều 1 và Quy chế nội bộ của công ty. Việc thực hiện HĐQT, chương trình hợp và các tài liệu liên quan được thông báo trực tiếp cho các thành viên HĐQT theo đúng hình thức quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp HĐQT phải chi tiết và rõ ràng. Trưởng và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Thù lao của HĐQT

1. Thù lao của HĐQT do HĐQT thông qua hàng năm và công bố theo quy định.

2. Trưởng phòng thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy thực hiện của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh thực hiện và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Nguyên tắc thành viên Ban kiểm soát

Trừ trường hợp Điều 1 của Công ty có quy định khác, vì nguyên tắc thành viên Ban kiểm soát được chỉ định bởi nguyên tắc thành viên HĐQT quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 9 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua được và nguyên tắc không số lượng cần thiết, Ban kiểm soát nên nhiệm có thể thêm thành viên hoặc tổ chức theo chế quy định tại Điều 1 của Công ty. Chức năng của Ban kiểm soát nên nhiệm được công bố rõ ràng và được HĐQT thông qua trước khi tiến hành công việc.

Điều 18. Tiêu chí thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thu được lợi ích mà pháp luật và Điều 1 của Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là công nhân của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trường Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 20. Quy định tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) Điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều 1 của Công ty.

Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước công nhân của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) Điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phù hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) Điều hành và công đồng và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều 1 của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và công đồng.

2. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên trong một năm, số lượng thành viên tham dự

h p ít nh t là hai ph n ba (2/3) s thành viên Ban ki m soát. Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi ti t và rõ ràng. Th ký và các thành viên Ban ki m soát tham d h p ph i ký tên vào các biên b n cu c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.

3. Trong các cu c h p c a Ban ki m soát, Ban ki m soát có quy n yêu c u thành viên H QT, Giám c (T ng giám c) i u hành, thành viên ki m toán n i b (n u có) và ki m toán viên c l p tham d và tr l i các v n mà các thành viên Ban ki m soát quan tâm.

4. Tr ng h p Ban ki m soát phát hi n nh ng hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l công ty c a các thành viên H QT, Giám c (T ng giám c) i u hành và các cán b qu n lý khác, Ban ki m soát ph i thông báo b ng v n b n v i H QT trong vòng b n m i tám (48) gi , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu . Sau th i h n b y (07) ngày k t ngày ra thông báo nêu trên, n u ng i có hành vi vi ph m không ch m d t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu , Ban ki m soát có trách nhi m báo cáo tr c tí p v i UBCKNN v v n này.

5. Ban ki m soát có quy n l a ch n và ngh H C phê chu n t ch c ki m toán c l p th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty.

6. Ban ki m soát ch u trách nhi m báo cáo t i H C theo quy nh t i 0 Quy ch này.

i u 22. Thù lao c a Ban ki m soát

Hàng n m các thành viên Ban ki m soát c h ng thù lao cho vi c th c hi n ngh a v c a Ban ki m soát. Thù lao cho các thành viên Ban ki m soát c H C thông qua. T ng s thù lao, các kho n l i ích khác c ng nh chi phí mà công ty ã thanh toán, c p cho t ng thành viên Ban ki m soát c công b trong Báo cáo th ng niên c a công ty và cho các c ông.

Ch ng V

QUY CH N IB V QU NTR CÔNG TY, CÁC TI U BAN H QT VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 23. Quy ch n i b v qu n tr công ty

1. H QT có trách nhi m xây d ng và ban hành Quy ch n i b v qu n tr công ty. Quy ch n i b v qu n tr công ty không c trái v i các nguyên t c và quy nh hi n hành v qu n tr công ty. Quy ch n i b c công b trên trang thông tin i n t c a công ty. Quy ch n i b v qu n tr công ty g m các n i dung ch y u sau:

a) Trình t , th t c v tri u t p và bi u quy t t i H C ;

b) Trình t , th t c c , ng c , b u, mi n nhi m và bãi nhi m thành viên H QT;

c) Trình t , th t c t ch c h p H QT;

d) Trình t , th t c l a ch n, b nhi m, mi n nhi m cán b qu n lý;

) Quy trình, th t c ph i h p ho t ng gi a H QT, Ban ki m soát và Giám c (T ng giám c) i u hành;

e) Quy định về đánh giá hàng năm về vị trí công tác, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác;

g) Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT.

Điều 24. Các tiểu ban của HĐQT

1. HĐQT cần thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lập ngân sách và các tiểu ban đặc biệt khác theo quy định của HC.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lập ngân sách phải có ít nhất một (01) thành viên HĐQT cử làm trưởng ban.

3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của thành viên.

4. Trường hợp các công ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT cử thành viên HĐQT cử phụ trách riêng về từng vấn đề lập ngân sách, nhân sự.

Điều 25. Thủ ký công ty

1. Hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty về tiến hành mọi thủ tục pháp lý có liên quan, HĐQT phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thủ ký công ty. Thủ ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thủ ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kế toán đang thực hiện kế toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký công ty bao gồm:

- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và HC theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

- Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Đảm bảo các quy định của HĐQT phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thủ ký công ty có trách nhiệm báo mọi thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Điều 26. Đào tạo và quản trị công ty

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, Thủ ký công ty của Công ty phải tham gia các khóa đào tạo và quản trị công ty từ các cơ sở đào tạo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 27. Tham dự HC của kiểm toán viên cử

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kế toán phải có mặt để họp HC thường

niên phát biểu ý kiến tại Hội đồng các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ kỳ trước.

Chương VI

NGUYÊN TẮC XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 28. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được divulgation thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch gì của công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát **trên 50% trở lên vốn** và chính thành viên đó hoặc viên chức nào có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các chi nhánh trên do chi nhánh công ty hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. Công ty phải thực hiện CBTT và ghi quy định HĐQT hoặc ghi quy định HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin internet của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi HĐQT có quy định khác.

5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chắc chắn xác định. Các giao dịch nêu trên phải công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

đ i u 29. Giao d ch v i ng i có liên quan

1. Khi t i n hành giao d ch v i nh ng ng i có liên quan, Công ty ph i ký k t h p ng b ng v n b n theo nguyên t c bình ng, t nguy n. N i dung h p ng ph i rõ ràng, c th và CBTT cho c ông khi có yêu c u.

2. Công ty áp d ng các bi n pháp c n thi t ng n ng a nh ng ng i có liên quan can thi p vào ho t ng c a công ty và gây t n h i cho l i ích c a công ty thông qua vi c ki m soát các kênh mua, bán hàng hoá c a công ty hay l ng o n giá c .

3. Công ty áp d ng các bi n pháp c n thi t ng n ng a c ông và nh ng ng i có liên quan t i n hành các giao d ch làm th t thoát v n, tài s n ho c các ngu n l c khác c a công ty. Công ty không c cung c p các kho n vay ho c b o lãnh cho các c ông và nh ng ng i có liên quan.

đ i u 30. Giao d ch v i c ông, ng i qu n lý doanh nghi p và ng i có liên quan c a các i t ng này

1. Công ty không c cung c p các kho n vay ho c b o lãnh cho c ông là cá nhân và ng i có liên quan c a c ông ó là cá nhân, tr tr ng h p công ty i chúng là t ch c tín d ng.

2. Tr tr ng h p các giao d ch c i h i ng c ông ch p thu n, công ty không c th c hi n các giao d ch sau:

a) Các kho n vay ho c b o lãnh cho các Thành viên H i ng qu n tr , Ki m soát viên, giám c (T ng giám c) các ng i qu n lý khác, t ch c có liên quan c a các i t ng này.

b) Giao d ch d n n t ng giá tr giao d ch có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr ghi trên báo cáo tài chính g n nh t gi a công ty và các i t ng sau:

- Thành viên h i ng qu n tr , Ki m soát viên, Giám c (T ng giám c), các ng i qu n lý khác và các ng i c liên quan c a i t ng này

- C ông, ng i i di n y quy n c a c ông s h u trên 10% t ng v n c p h n ph thông c a công ty và nh ng ng i có liên quan c a h .

3. H i ng qu n tr ch p thu n h p ng có giá tr nh h n 35% t ng giá tr tài s n ghi trên báo cáo tài chính g n nh t ho c m t t l khác nh h n quy nh t i i u l công ty.

đ i u 31. m b o quy n h p pháp c a các bên có quy n l i liên quan n công ty

1. Công ty ph i tôn tr ng quy n l i h p pháp c a các bên có quy n l i liên quan n công ty bao g m ngân hàng, ch n , ng i lao ng, ng i tiêu dùng, nhà cung c p, c ng ng và nh ng ng i khác có quy n l i liên quan n công ty.

2. Công ty c n h p tác tích c c v i nh ng ng i có quy n l i liên quan n công ty thông qua vi c:

a) Cung c p y thông tin c n thi t cho ngân hàng và ch n giúp h ánh giá v tình hình ho t ng và tài chính c a công ty và a ra quy t nh;

b) Khuyến khích nhà ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quy trình quản trị liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 32. Nghĩa vụ CBTT

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin nội bộ và bất kỳ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức CBTT được thể hiện theo quy định của pháp luật và nội quy công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nhau các thông tin có thể ảnh hưởng đến giá trị tài sản và những quy định của công đồng và nhà đầu tư.

2. Việc CBTT được thể hiện theo những phương thức nhằm mục đích công đồng và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong CBTT cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 33. CBTT về quản trị công ty

1. Công ty phải CBTT về tình hình quản trị công ty tới các kỳ Hội đồng thành viên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về kế toán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo nội bộ sáu (06) tháng và CBTT về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về kế toán và thị trường chứng khoán.

Điều 34. Công bố thông tin về thu nhập của giám đốc (Tổng giám đốc)

Tổng thu nhập của giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo chi tiết hàng năm về thu nhập của họ.

Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và CBTT của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 28 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có trách nhiệm báo cáo và CBTT về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người hành nghề công lý.

3. Các giao dịch có thể mang lợi ích vật chất hoặc phi vật chất vì các thành viên nêu trên.

Chương VII

GIÁM SÁT VÀ X LÝ VI PH M

Điều 36. Giám sát

Công ty, các thành viên và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát và quản trị công ty của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Xử lý vi phạm

Công ty, các thành viên và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

T CH C TH C HI N

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm có tám (08) chương và ba mươi tám (38) điều.
2. Công ty có thể trình HĐQT xem xét sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty.
3. Các thành viên HĐQT, ban kiểm soát, tổng giám đốc và người hành, các cán bộ quản lý, các nhân viên, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI NG QU N TR
CH T CH

NGUY N V N BÌNH